**Số: 5928243**

| | Kia New Morning GT-Line | Mazda2 1.5L AT (Xe tập lái, có DAT) |
|---|---|---|
| **Giá niêm yết:** | **469.000.000đ** | **399.000.000đ** |
| **KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:** | | |
| Kích thước tổng thể (mm) | 3595 x 1595 x 1495 | 4355 x 1695 x 1470 |
| Chiều dài cơ sở (mm) | 2400 | 2570 |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm) | 4700 | 5000 |
| Khoảng sáng gầm xe (mm) | 151 | 140 |
| Khối lượng không tải (kg) | 960 | 1109 |
| Khối lượng toàn tải (kg) | 1370 | 1528 |
| Thể tích khoang hành lý (L) | 255L | 440 |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L) | 35L | 44 |
| Số chỗ ngồi | 5 | 5 |
| Nguồn gốc | SX-LR trong nước | Nhập Khẩu |
| **DẪN ĐỘNG - KHUNG GẦM:** | | |
| Loại động cơ | Xăng, Kappa 1.25L | Skyactiv-G 1.5L |
| Dung tích xi lanh (cc) | 1248 | 1496 |
| Công suất cực đại (hp @ rpm) | 83 / 6000 | 110 / 6000 |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm) | 122 / 4000 | 144 / 4000 |
| Hộp số | 4AT | 6AT |
| Hệ thống dẫn động | Cầu trước (FWD) | Cầu trước (FWD) |
| Hệ thống treo trước | Mc Pherson | Độc lập McPherson |
| Hệ thống treo sau | Thanh xoắn | Thanh xoắn |
| Hệ thống phanh trước | Đĩa | Đĩa |
| Hệ thống phanh sau | Tang trống | Đĩa |
| Thông số lốp xe | 185/55 R15 | 185/65 R15 |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km) | 7.74 | 7.91 |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 4.68 | 5.07 |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km) | 5.82 | 6.11 |
| **NGOẠI THẤT:** | | |
| Cụm đèn trước | LED | LED |
| Đèn trước tự động bật/tắt | ● | - |
| Đèn ban ngày LED | ● | Halogen |
| Cụm đèn sau | LED | Halogen |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện | Có sấy và tích hợp báo rẽ | Chỉnh điện |
| Trang bị khác | Baga mui, Viền chân kính mạ Chrome | Bổ sung 2 biển “XE TẬP LÁI” phía trước & phía sau (theo quy định tiêu chuẩn hiện hành) |
| **NỘI THẤT - TIỆN NGHI:** | | |
| Vô lăng bọc da | ● | - |
| Chất liệu ghế | Da | Nỉ |
| Ghế người lái chỉnh cơ | ● | ● |
| Kính cửa sổ chỉnh điện | ● | ● |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin | LCD 4.2'' | Analog + Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm | AVN 8’’ | - |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | Không dây | - |

| | | |
|---|---|---|
| Hệ thống điều hòa tự động | ● | Chỉnh cơ |
| Số vùng khí hậu điều hòa | 1 | 1 |
| Chìa khóa thông minh | ● | ● |
| Khởi động nút bấm | ● | ● |
| Hệ thống âm thanh | 6 loa | 4 loa |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX | ● | ● |
| **AN TOÀN:** | | |
| Số túi khí | 2 | 2 |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS | ● | ● |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD | ● | ● |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA | ● | ● |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa | ● | ● |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm | ● | ● |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe | Sau | - |
| Hệ thống cảnh báo áp suất lốp | ● | - |
| Camera lùi | ● | - |